TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HC - PT
Ngày 26 - 4 - 2023
"v/v khiếu kiện hành vi hành chính"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thúy Mai
Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Bích Ngọc
Ông Nguyễn Xuân Trọng

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Đường Thái Sơn - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đào Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2023/TLPT-HC ngày 21 tháng 02 năm 2023 về việc " khiếu kiện hành vi hành chính".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/HC-ST ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc bị kháng cáo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐ-PT ngày 16 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1957.
Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1960.

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (Văn bản ủy quyền ngày 18/01/2022) (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn H - Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Phúc.

Địa chỉ: Thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc

Người đại diện hợp pháp của Chủ tịch UBND xã Đ: Ông Nguyễn Văn C. Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã Đ (Văn bản ủy quyền số 24/UBND – VP ngày 26 tháng 4 năm 2023) (Có mặt).

3. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/02/2022 và quá trình tố tụng người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Vợ chồng ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị N là chủ sử dụng diện tích đất thuộc thửa đất số 370, diện tích: 220m^2 và thửa số 371, diện tích 358m^2, tờ bản đồ số 02 (nay đã gộp thành 1 thửa là thửa đất số 347, tờ bản đồ số 14, diện tích: 580.1m^2), địa chỉ thửa đất tại: Thôn H, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Để thực hiện quyền của người sử dụng đất, ông bà N, Sự đã nộp hồ sơ xin cấp giấy CNQSD đất lần đầu đối với hai thửa đất nêu trên đến UBND xã Đ theo quy định pháp luật.

Sau nhiều lần làm việc, ngày 10/11/2021 ông S, bà N nhận được Thông báo số 122/TB-UBND đề ngày 08/11/2021 của UBND xã Đ về việc kết quả xác minh hồ sơ đề nghị cấp giấy CNQSD đất lần đầu của ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị N ở Thôn H với nội dung: "*Nguồn gốc thửa đất số 976, tờ bản đồ số 14 tại hồ sơ đ ịa chính xã quản lý là thửa đất ao do UBND xã quản lý, không phải đất ông cha để lại sử dụng vào mục đích để ở và trồng cây lâu năm từ trước năm 1990 như đơn đăng ký cấp giấy CNQSD đất ông Nguyễn Văn S kê khai*" nên UBND xã không xác nhận nội dung cấp giấy CNQSD đất và trả lại hồ sơ cho gia đình ông bà.

Sau khi nhận được thông báo trên ông bà cho rằng Thông báo số 122/TB-UBND ngày 08/11/2021 của UBND xã Đ là trái quy định pháp luật bởi:

1. Thủ tục giao đất do UBND xã quản lý cho hộ gia đình, cá nhân cần phải có hợp đồng cho thuê, hợp đồng giao thầu, giao khoán và tùy từng trường hợp sẽ thu thuế theo quy định. Tuy nhiên, theo sổ mục kê năm 1995 tại UBND xã Đ đã ghi thửa đất số 370 là loại đất Ao thuộc sự quản lý của UBND xã Đ nhưng lại không cung cấp giấy tờ liên quan đến hợp đồng giao thầu, giao khoán, biên lai thu tiền sử dụng đất Ao của gia đình ông S, để mặc gia đình ông S sử dụng trong một thời gian dài không lập bất cứ biên bản xử lý hành chính nào.

2. Căn cứ tại Điều 101 – Luật đất đai năm 2013. Xét trên hiện trạng sử dụng đất, thửa đất số 370, tờ bản đồ số 02 đã được gia đình ông S, bà N sử dụng ổn định từ trước năm 1990, không xảy ra tranh chấp với các hộ dân xung quanh, không bị xử phạt vi phạm hành chính liên quan đến đất đai nên thửa đất số 370 do gia đình ông S quản lý, sử dụng hoàn toàn đáp ứng đầy đủ các điều kiện cấp giấy CNQSD đất theo quy định trên.

Thông báo số 122/TB-UBND ngày 08/11/2021 và hành vi trả lại hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND xã Đ đã xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của gia đình ông S, bà N trong việc sử dụng đất cũng như áp dụng quy định pháp luật không phù hợp với tình hình sử dụng đất thực tế của

công dân.Vì vậy, ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị N đề nghị Tòa án giải quyết:

1. Tuyên huỷ văn bản số 122/TB-UBND ngày 08/11/2021 của UBND xã Đ về việc trả hồ sơ đề nghị cấp GCN QSD đất của ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị N.

2. Yêu cầu UBND xã Đ chấm dứt hành vi vi phạm, tiếp nhận và hoàn thiện hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị N theo đúng quy định pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của UBND xã Đ trình bày:

UBND xã Đ nhận được hồ sơ đề nghị cấp giấy CNQSD đất lần đầu của ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị N ở Thôn H, xã Đ Nội dung: Đề nghị cấp Giấy CNQSĐ đối với thửa đất số 347, diện tích 580,1 m^2, tờ bản đồ số 14. Địa chỉ thửa đất: Thôn H, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Diện tích 580,1m^2 (đất ở và đất cây lâu năm); thời điểm trước năm 1996; nguồn gốc sử dụng đất: ông cha để lại sử dụng vào mục đích để ở và trồng cây lâu năm trước năm 1990.

Sau khi phối hợp với Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Vĩnh Phúc chi nhánh Yên Lạc, huyện Yên Lạc cùng với chủ sử dụng đất tiến hành kiểm tra, xác minh hồ sơ địa chính và thực địa thửa đất. Sau khi kiểm tra xong UBND xã Đ xác định: Trên bản đồ đo đạc hiện trạng năm 2008 (bản đồ VN2000) đã đo đạc gộp 2 thửa đất (thửa đất 370 và 371; tờ bản đồ số 2 Bản đồ 299) thành 01 thửa: thửa đất số 347, tờ bản đồ số 14, diện tích 580.1 m^2, quy chủ Nguyễn Văn S - Nguyễn Thị N,

Từ kết quả kiểm tra, xác minh hồ sơ địa chính và thực địa UBND xã Đ nhận thấy: Ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị N Thôn H, xã Đ đang sử dụng 2 thửa đất (theo bản đồ 299 đo đạc năm 1995 là thửa đất số 370 (nhãn thửa Ao) và 371 tờ bản đồ số 2) đã chỉnh lý trên bản đồ địa chính VN 2000 thành thửa đất số 976, tờ bản đồ số 14, diện tích 215,1 m^2 (vườn) và thửa đất số 977, tờ bản đồ số 14, diện tích 364,6m^2 (đất ở).

Căn cứ quy định tại điểm i khoản 2 điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai xác định thời điểm sử dụng đất là năm 1995, thời điểm đo đạc lập bản đồ 299 và sổ mục kê. Nguồn gốc thửa đất số 976, tờ bản đồ số 14 tại hồ sơ địa chính xã quản lý là thửa đất ao do UBND xã quản lý, không phải là đất ông cha để lại sử dụng vào mục đích để ở và trồng cây lâu năm từ trước năm 1990 như đơn đăng ký cấp Giấy CNQSD đất ông Nguyễn Văn S kê khai. Thửa đất số 977, tờ bản đồ số 14 là đất sử dụng không có giấy tờ theo Điều 100 luật đất đai. Do vậy, UBND xã không có cơ sở để xác nhận cho ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị N thửa đất số 370, diện tích 220 m^2, tờ bản đồ số 2 là đất ao ghi tên chủ sử dụng là UBND xã. UBND xã Đ đã ra thông báo số 122/TB-UBND ngày 08/11/2021 V/v kết quả

xác minh hồ sơ đề nghị cấp giấy CNQSD đất lần đầu cho ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị N được biết.

Do đó, UBND xã Đ đề nghị Tòa án giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị N.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 02/2022/HC-ST ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc quyết định: Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Khoản 1 Điều 31; Điều 164; Điều 193, Điều 204, Điều 206; khoản 1 Điều 348; khoản 1 Điều 358 Luật Tố tụng hành chính 2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 2 Điều 19; điểm i khoản 2 điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị N về việc yêu cầu UBND xã Đ chấm dứt hành vi vi phạm, tiếp nhận và hoàn thiện hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị N theo đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra bản án còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 03 tháng 01 năm 2023 ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị N kháng cáo không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm. Đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S, bà N.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện hợp pháp của ông S, bà N và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông S, bà N có quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S, bà N. Buộc UBND xã Đ chấm dứt hành vi vi phạm, tiếp nhận và hoàn thiện hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị N theo đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm.

- Về việc giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ được thẩm tra công khai tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị N làm trong hạn luật định hợp lệ cần chấp nhận.

[1.1] Về đối tượng khởi kiện vụ án hành chính: Ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu hủy văn bản số 122/TB-UBND ngày 08/11/2021 của UBND xã Đ về việc trả hồ sơ đề nghị cấp Giấy CNQSD đất. Yêu cầu UBND xã Đ chấm dứt hành vi vi phạm, tiếp nhận và hoàn thiện hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị N theo đúng quy định pháp luật.

Tuy nhiên văn bản số 122/TB-UBND ngày 08/11/2021 của UBND xã Đ là thông báo về kết quả xác minh, không chứa đựng nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2011/HĐTP - TANDTC ngày 29/7/2011 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn Luật tố tụng hành chính. Do đó, Thông báo số 122/TB-UBND không phải quyết định hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện trong vụ án này là hành vi hành chính "không xác nhận vào hồ sơ đăng kí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu" của Ủy ban nhân dân xã Đ theo khoản 3 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính là có căn cứ.

[1.2]Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện thuộc thẩm quyền của Tòa án; Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại Điều 30, 31 Luật tố tụng hành chính.

[1.3]Về thời hiệu khởi kiện: : Ngày 08/11/2021 UBND xã Đ ban hành Thông báo số 122/TB-UBND và gửi cho ông S, bà N. Ngày 21/02/2022, ông S, bà N làm đơn khởi kiện là đảm bảo thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[1.4] Về đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của người khởi kiện trong thời hạn luật định hợp lệ nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của người khởi kiện thấy rằng:

Năm 2020, ông S, bà N gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy CNQSD đất lần đầu đối với thửa đất số 370, 371 tờ bản đồ số 2, diện tích 578 m^2 trong đó 300m^2 đất ở và 278m^2 đất trồng cây lâu năm. Địa chỉ thửa đất: Thôn H, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. UBND xã Đ đã tiến hành làm việc với các bên liên quan cũng như xác định về nguồn gốc đất. Ngày 08/11/2021 UBND xã Đ ban hành Thông báo số 122/TB-UBND thông báo cho ông S, bà N biết về việc UBND xã không xác nhận vào hồ sơ cấp Giấy CNQSDĐ của ông bà do thửa đất số 370 không phải đất của gia đình ông bà mà là thửa đất Ao do UBND xã quản lí theo sổ mục kê năm 1995, bản đồ 299 và bản đồ đo vẽ năm 1987 thể hiện.

Lý do không thực hiện hành vi của UBND xã Đ là trên cơ sở Kết quả xác minh của UBND xã Đ thể hiện thửa đất 370 là đất ao thuộc quản lý của UBND xã, thửa 371 là đất thổ cư thuộc quyền sử dụng của hộ ông S. Quá trình sử dụng 02 thửa đất, do thửa đất số 370 nằm gần thửa 371 của hộ ông S nên gia đình ông S đã tiến hành đổ đất, lấp ao và trồng cây cối như hiện tại. Do thời gian trước đây, việc quản lý đất công của UBND xã còn thiếu sót nên việc gia đình ông S thực hiện các công việc trên địa phương không phát hiện và xử lý kịp thời.

Tài liệu ông S, bà N có cung cấp một số biên lai thu tiền thuế sử dụng đất nhưng theo địa phương việc này là sai sót đã được phát hiện khắc phục kịp thời. Ngoài ra ông S và bà N không cung cấp được bất kỳ giấy tờ, tài liệu nào khác thể hiện gia đình được giao quản lí, sử dụng diện tích đất 210m^2 thửa số 370 tờ bản đồ số 2, bản đồ 299 nên không có cở sở để xác định nguồn gốc diện tích đất 210m^2 là của gia đình ông S và bà N. Như vậy các tài liệu thu thập được có cơ sở xác định phần diện tích 210m^2 phía sau nhà ông S thuộc quỹ đất công ích của xã nên theo khoản 2 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai diện tích đất 210m^2 thuộc trường hợp không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do đó UBND xã Đ tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu, tiến hành xác minh nguồn gốc và quá trình sử dụng đất theo đúng theo quy định và không xác nhận vào hồ sơ đăng kí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đối với đối với thửa đất số 347, tờ bản đồ số 14, diện tích 580,1m^2 theo bản đồ VN 2000 của ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị N là có căn cứ.

Kháng cáo của người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S, bà N buộc UBND xã Đ chấm dứt hành vi vi phạm, tiếp nhận và hoàn thiện hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị N là không có căn cứ nên không được chấp nhận, cần bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp, đúng pháp luật.

[3] Về án phí: Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị N được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tại phiên tòa là có căn cứ cần chấp nhận; Ý kiến người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông S, bà N không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1.Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị N. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 02/2022/HC-ST ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị N được miễn tiền án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;*
- *TAND huyện Yên Lạc;*
- *Chi cục THADS huyện Yên Lạc;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, HCTP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thúy Mai